

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/3/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Anh Liêm

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Như Sứ

2. Ông Nguyễn Công Tài

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Hồ Minh Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị Lê T; Sinh năm 1997; Có mặt.

2- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Q; Sinh năm 1994; Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/11/2020, được bổ sung tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Q tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 08/3/2019. Sau khi kết

hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Q thường nhậu nhẹt say xỉn về gây sự với chị. Khi vợ chồng cãi nhau anh Q có những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình. Ngoài ra, anh Q còn nhiều lần đánh chị. Từ ngày nộp đơn xin ly hôn đến nay chị đưa con về sống với mẹ ruột của mình tại thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn C, sinh ngày 02/01/2020. Hiện tại cháu C do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị đang làm việc tại siêu thị mini gần nhà nên có thể tạo ra thu nhập và chăm sóc con. Do đó, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 19/11/2020, bị đơn anh Nguyễn Q trình bày:

Anh và chị T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận số 11 ngày 08/03/2019. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra cãi vã nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho đoàn tụ. Trường hợp chị T vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn C, sinh ngày 02/01/2020. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn:

- Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T; Xử cho chị T được ly hôn với anh Q; Về con chung: Giao cháu Nguyễn C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Q; Anh Q có nơi cư trú tại Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Do đó, căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Anh Nguyễn Q có mặt tại địa phương nhưng cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành hòa giải được nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 08/02/2021, anh Q vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa hôm nay anh Q vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 08/3/2019. Khi kết hôn anh chị tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên tháng 9/2020 chị T đã đưa con bỏ về nhà cha mẹ chị tại xã T, huyện B sinh sống đến nay. Hai vợ chồng từ đó sống ly thân. Anh Q cũng không đến để thăm vợ con.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q đến Tòa án để hòa giải nhưng anh Q cố tình trốn tránh, không đến Tòa án làm việc. Điều đó thể hiện anh Q không còn mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đến nay, chị T nhận thấy không còn tình cảm, không quan tâm đến anh Q nữa.

Từ những lý do trên cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Q không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh Q là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn C, sinh ngày 02/01/2020. Chị T và anh Q đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Xét thấy, từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét về nguyên nhân ly hôn xuất phát từ anh Q. Trong thời gian hai vợ chồng ly thân, anh Q thiếu trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc, chu cấp cùng chị T nuôi dưỡng cháu C. Hiện nay, cháu C đang có cuộc sống ổn định cùng chị T. Hơn nữa, đến nay cháu C mới được hơn 01 tuổi nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn. Do đó, việc giao cháu C cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy

định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. chị T không yêu cầu anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 59; Điều 81, Điều 82 Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê T đối với anh Nguyễn Q về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1] Về hôn nhân: Cho chị Lê T được ly hôn anh Nguyễn Q.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn C, sinh ngày 02/01/2020 cho chị Lê T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001691 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Chị T đã nộp đủ án phí.

[5] Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
 - VKSND huyện Quế Sơn;
 - Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
 - UBND xã A, huyện Q;
- (GCNKH số 11 ngày 08/3/2019)
- Các đương sự;
 - Lưu HSVA, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Liêm